

Số: **28** /NQ-HĐND

Chơn Thành, ngày **22** tháng **7** năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương năm 2025 phường Chơn Thành**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và một số Nghị quyết cá biệt của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (sau sắp xếp);

Căn cứ Kết luận số 09-KL/ĐU ngày 16/7/2025 của Đảng ủy phường về kết luận của Thường trực Đảng ủy phường phiên họp thứ 4, nhiệm kỳ 2025-2030;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 21/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BKTNS ngày 21/7/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận và ý kiến của các vị đại biểu HĐND phường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 phường Chơn Thành, như sau:

- | | |
|---|----------------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước: | 16 tỷ 620 triệu đồng |
| 2. Tổng thu ngân sách địa phương: | 394 tỷ 111 triệu đồng |
| Bao gồm: | |
| - Các khoản thu được hưởng theo phân cấp: | 10 tỷ 414 triệu đồng |
| - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: | 383 tỷ 697 triệu đồng |
| 3. Tổng chi ngân sách địa phương: | 394 tỷ 111 triệu đồng, trong đó: |
| - Chi đầu tư: | 68 tỷ 723 triệu đồng |
| - Chi thường xuyên: | 308 tỷ 407 triệu đồng |
| - Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương: | 9 tỷ 831 triệu đồng |
| - Dự phòng ngân sách: | 7 tỷ 150 triệu đồng |

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân phường thực hiện công khai dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 theo đúng quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND phường khóa I, kỳ họp thứ 2 (Chuyên đề) thông qua ngày 22/7/2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân phường thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT.Đảng ủy, TT.HĐND-UBND-UBMTTQ phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- Các khu phố;
- LĐVP, các CV; 
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH 

Hà Duy Đạt

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025(Kèm theo Nghị quyết số **28** /NQ-HĐND ngày **27**/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	394,111
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	10,414
-	Thu NSDP hưởng 100%	7,284
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	3,130
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	383,697
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	346,186
2	Thu bổ sung có mục tiêu	37,511
B	TỔNG CHI NSDP	394,111
I	Tổng chi cân đối NSDP	394,111
1	Chi đầu tư phát triển (1)	68,723
2	Chi thường xuyên	308,407
3	Dự phòng ngân sách	7,150
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831
II	Chi các chương trình, mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)	

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
	TỔNG THU NSNN	16,620	10,414
1	Thu từ công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	5,985	3,531
	- Thuế TNDN		
	- Thuế Tài nguyên		
	- Thuế GTGT	5,985	3,531
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước		
	- Thu khác ngoài quốc doanh		
2	Lệ phí trước bạ	7,505	3,753
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,595	1,595
4	Thu phí - lệ phí	655	655
5	Thu khác ngân sách	880	880

Biểu mẫu số 17

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI
NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
	TỔNG CHI NSDP	394,111
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	394,111
I	Chi đầu tư phát triển (1)	68,723
1	Chi đầu tư cho các dự án	68,723
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	
	- Chi giáo dục và đào tạo	
	- Chi khoa học và công nghệ	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	308,407
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	97,687
2	Chi khoa học và công nghệ	
III	Dự phòng ngân sách	7,150
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	394,111
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	394,111
I	Chi đầu tư phát triển	68,723
1	Chi đầu tư cho các dự án	68,723
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	308,407
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	97,687
-	Chi quốc phòng	13,802
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	5,795
-	Chi y tế, dân số và gia đình	30,919
-	Chi văn hóa thông tin	5,865
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1,155
-	Chi thể dục thể thao	648
-	Chi bảo vệ môi trường	304
-	Chi các hoạt động kinh tế	29,450
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	107,255
-	Chi bảo đảm xã hội	13,992
-	Chi thường xuyên khác	1,535
III	Dự phòng ngân sách	7,150
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831
V	Chi chương trình, mục tiêu	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC SANG	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	394,111	68,723	308,407	7,150	9,831	-	-	-	-
I	Số đã chi 6 tháng đầu năm 2025 của các cơ quan, đơn vị chuyển giao về phường Chơn Thành	212,161		212,161						
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	1,077		1,077						
2	Trung tâm phát triển quỹ đất	637		637						
3	Đội quản lý đô thị	6,221		6,221						
4	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	16,410		16,410						
5	Phòng Quản lý đô thị	4,764		4,764						
6	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4,357		4,357						
7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	4,638		4,638						
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	275		275						
9	Thanh tra thị xã	629		629						
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4,949		4,949						
11	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5,290		5,290						
12	Phòng Nội vụ	2,510		2,510						
13	Phòng Văn hóa và Thông tin	530		530						
14	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	2,148		2,148						
15	Phòng Tài chính và Kế hoạch	1,207		1,207						
16	Phòng Tư pháp	616		616						
17	Phòng Kinh tế	225		225						
18	Mầm non Sao Mai	3,878		3,878						
19	Mầm non Minh Thành	2,276		2,276						
20	Mầm non Sơn Ca	1,543		1,543						
21	Mầm non Tuổi Thơ	2,094		2,094						
22	Tiểu học Chơn Thành A	7,185		7,185						
23	Tiểu học và Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	14,546		14,546						
24	Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thành	8,194		8,194						
25	Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tám	7,561		7,561						
26	Trung tâm Chính trị thị xã Chơn Thành	1,992		1,992						
27	Trung tâm Y tế	14,607		14,607						
28	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Hưng Long	32		32						
29	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Minh Thành	26		26						
30	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Thành Tâm	25		25						
31	UBND phường Hưng Long	12,702		12,702						
32	UBND phường Minh Thành	9,015		9,015						
33	UBND phường Thành Tâm	11,824		11,824						
34	Bảo hiểm xã hội	10,604		10,604						
35	Trung tâm VH - TT	4,291		4,291						
36	Nhà thiếu nhi	859		859						
37	Đài Truyền thanh - Truyền hình	1,041		1,041						
38	Văn phòng Thị ủy	15,763		15,763						
39	Kinh phí đã chi 6 tháng đầu năm 2025 của các chi bộ cơ sở trước sắp xếp	229		229						
40	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN	5,813		5,813						
41	Đoàn THCS HCM	668		668						
42	Hội Liên hiệp phụ nữ	1,010		1,010						
43	Hội Nông dân	4,015		4,015						
44	Hội Cựu chiến binh	1,356		1,356						
45	Hội Chữ Thập đỏ	1,797		1,797						
46	Hội người mù	138		138						
47	Hội đồng y	118		118						
48	Hội nạn nhân chất độc da cam DIOXIN	114		114						
49	BCH Hội người cao tuổi	104		104						
50	Hội Cựu thanh niên xung phong	104		104						
51	Hội Bảo trợ NTT, TMC và BNN	134		134						
52	Hội Khuyến học	100		100						
53	Công an thị xã Chơn Thành	748		748						
54	Ban Chỉ huy Quân sự thị xã	8,656		8,656						
55	Chi Cục Thuế	140		140						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
56	Trường THPT Chơn Thành	40		40						
57	Chi Cục Thống kê	40		40						
58	Trường THCS&THPT Minh Hưng	20		20						
59	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	20		20						
60	Trường THPT Chu Văn An	30		30						
61	Chi Cục Thi hành án dân sự	26		26						
62	Viện Kiểm Sát nhân dân	36		36						
63	Tòa án Nhân dân	30		30						
64	Liên đoàn lao động	8		8						
65	Bảo Hiểm xã hội	30		30						
66	Kho Bạc Nhà nước	22		22						
67	PGD - NHCSXH	14		14						
68	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI	60		60						
II	Các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp	96,246		96,246						
1	Mầm non Sao Mai	2,992		2,992						
2	Mầm non Minh Thành	1,949		1,949						
3	Mầm non Sơn Ca	2,036		2,036						
4	Mầm non Tuổi Thơ	1,812		1,812						
5	Tiểu học Chơn Thành A	7,345		7,345						
6	Tiểu học và Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	13,070		13,070						
7	Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thành	8,227		8,227						
8	Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tám	6,472		6,472						
9	Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị xây dựng trường học đạt kiểm định chất lượng và chuẩn quốc gia	2,220		2,220						
10	Kinh phí bổ sung nâng lương	770		770						
11	Trung tâm Chính trị phường	652		652						
12	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	5,126		5,126						
13	Văn phòng HĐND và UBND phường	7,548		7,548						
14	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	8,943		8,943						
15	Phòng Văn hóa - Xã hội	5,776		5,776						
16	Trung tâm Hành chính công	932		932						
17	Kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính	1,000		1,000						
18	KP thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã về công tác tại phường Chơn Thành	140		140						
19	Văn phòng Đảng Ủy	6,058		6,058						
20	UBMTTQVN	1,564		1,564						
21	KP mua BHYT các đối tượng	4,000		4,000						
23	Kinh phí hoạt động của các Đảng bộ, chi bộ cơ sở	508		508						
24	Dự kiến KP hoạt động của các hội đặc thù sau sắp xếp phân bổ khi có Đề án phê duyệt của cấp có thẩm quyền	400		400						
25	Các chế độ, chính sách về an ninh	2,962		2,962						
26	Các chế độ, chính sách về quốc phòng	2,725		2,725						
27	Chi khác	1,019		1,019						
28	Dự phòng	7,150			7,150					
29	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831				9,831				
30	UBND phường Chơn Thành	68,723	68,723							

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

Biểu mẫu số 36

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	68,723	6,615	-	-	-	3,090	-	-	-	-	59,018	59,018	-	-	-	-
I	UBND phường Chơn Thành	68,723	6,615				3,090					59,018	59,018				

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	308,407	97,687	-	13,802	5,795	30,919	5,865	1,155	648	304	29,450	7,467	1,077	107,255	13,992	1,535
I	Số đã chi 6 tháng đầu năm 2025 của các cơ quan, đơn vị chuyển giao về phường Chơn Thành	212,161	50,238	-	11,077	2,833	26,319	4,938	1,084	560	244	18,084	7,467	1,077	85,379	10,889	516
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	1,077										1,077		1,077			
2	Trung tâm phát triển quỹ đất	637										637					
3	Đội quản lý đô thị	6,221										6,221					
4	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	16,410	77				661					72			9,613	5,987	
5	Phòng Quản lý đô thị	4,764										4,523	4,523		241		
6	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4,357										2,944	2,944		1,413		
7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	4,638									244	2,183			2,211		
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	275	7									11			257		
9	Thanh tra thị xã	629										42			587		
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4,949	2,405												2,544		
11	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	5,290	187				544								224	4,335	
12	Phòng Nội vụ	2,510													2,403	107	
13	Phòng Văn hóa và Thông tin	530						52							478		
14	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	2,148						42							2,106		
15	Phòng Tài chính và Kế hoạch	1,207													1,207		
16	Phòng Tư pháp	616													616		
17	Phòng Kinh tế	225													225		
18	Mầm non Sao Mai	3,878	3,878														
19	Mầm non Minh Thành	2,276	2,276														
20	Mầm non Sơn Ca	1,543	1,543														
21	Mầm non Tuổi Thơ	2,094	2,094														
22	Tiểu học Chơn Thành A	7,185	7,185														
23	Tiểu học và Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	14,546	14,546														
24	Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Thành	8,194	8,194														
25	Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Văn Tám	7,561	7,561														
26	Trung tâm Chính trị thị xã Chơn Thành	1,992	104												1,888		
27	Trung tâm Y tế	14,607	53				14,554										
28	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Hưng Long	32	32														
29	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Minh Thành	26	26														
30	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Thành Tâm	25	25														
31	UBND phường Hưng Long	12,702	1		923	876	2	176	33	2		95			10,423	171	
32	UBND phường Minh Thành	9,015	3		741	605	10	17	2	14		265			7,242	116	
33	UBND phường Thành Tâm	11,824	2		757	604	4	20	8	25		14			10,277	113	
34	Bảo hiểm xã hội	10,604					10,544									60	
35	Trung tâm VH - TT	4,291						3,772		519							
36	Nhà thiếu nhi	859						859									
37	Đại Truyền thanh - Truyền hình	1,041							1,041								
38	Văn phòng Thi ủy	15,763	39												15,724		
	Kinh phí đã chi 6 tháng đầu năm 2025 của các chi bộ cơ sở trước sắp xếp																
39		229													229		
40	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN	5,813													5,813		
41	Đoàn THCS HCM	668													668		
42	Hội Liên hiệp phụ nữ	1,010													1,010		
43	Hội Nông dân	4,015													4,015		
44	Hội Cựu chiến binh	1,356													1,356		
45	Hội Chữ Thập đỏ	1,797													1,797		
46	Hội người mù	138													138		
47	Hội đồng y	118													118		
	Hội nạn nhân chất độc da cam DIOXIN	114													114		
48																	
49	BCH Hội người cao tuổi	104													104		
50	Hội Cựu thanh niên xung phong	104													104		
51	Hội Bảo trợ NTT, TMC và BNN	134													134		
52	Hội Khuyến học	100													100		
53	Công an thị xã Chơn Thành	748				748											
54	Ban Chỉ huy Quân sự thị xã	8,656			8,656												
55	Chi Cục Thuế	140															140
56	Trường THPT Chơn Thành	40															40
57	Chi Cục Thống kê	40															40
58	Trường THCS&THPT Minh Hưng	20															20
59	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	20															20
60	Trường THPT Chu Văn An	30															30
61	Chi Cục Thi hành án dân sự	26															26
62	Viện Kiểm Sát nhân dân	36															36
63	Tòa án Nhân dân	30															30
64	Liên đoàn lao động	8															8
65	Bảo Hiểm xã hội	30															30
66	Kho Bạc Nhà nước	22															22
67	PGD - NHCSXH	14															14
68	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI	60															60
II	Các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp	96,246	47,449	-	2,725	2,962	4,600	927	71	88	60	11,366	-	-	21,876	3,103	1,019
1	Mầm non Sao Mai	2,992	2,992														
2	Mầm non Minh Thành	1,949	1,949														
3	Mầm non Sơn Ca	2,036	2,036														
4	Mầm non Tuổi Thơ	1,812	1,812														
5	Tiểu học Chơn Thành A	7,345	7,345														
6	Tiểu học và Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	13,070	13,070														

[illegible]